BCH ĐOÀN TỈNH KIÊN GIANG
***

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
Rạch Giá, ngày 06 tháng 03 năm 2023

BẢNG PHÂN BỔ CHỈ TIÊU
Công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2023

Phụ lục 1: Nhóm chỉ tiêu về công tác tuyên truyền giáo dục và tổ chức, xây dựng Đoàn

STT	Đơn vị	100% cán bộ Đoàn, đoàn viên được học tập, quán triệt các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, của Đoàn, các bài học LLCT của Đoàn	Tiếp thu các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, của Đoàn - Hội các cấp		100% cơ sở Đoàn triển khai Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề 2023	Công tác xây dựng tổ chức Đoàn và Đoàn tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và hệ thống chính trị						
			85% hội viên được tiếp thu	70% TN có mặt trên địa bàn tiếp thu		Kết nạp đoàn viên mới	Tỷ lệ xếp loại đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Tỷ lệ xếp loại cơ sở đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	100% cán bộ Đoàn được tập huấn kỹ năng nghiệp vụ.	Tỷ lệ tập hợp TN vào tổ chức Đoàn, Hội so với đối tượng có mặt tại địa phương, đơn vị	Giới thiệu đoàn viên ưu tú cho đảng xem xét kết nạp	Tỷ lệ kết nạp đảng viên từ đoàn viên ưu tú so với tổng số đảng viên kết nạp mới toàn đảng bộ
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Hà Tiên	100%	85%	70%	100%	1,150	80%	85%	100%	62%	160	65%
2	Giang Thành	100%	85%	70%	100%	380	80%	85%	100%	62%	45	65%
3	Kiên Lương	100%	85%	70%	100%	1,440	80%	85%	100%	62%	260	65%
4	Hòn Đất	100%	85%	70%	100%	1,540	80%	85%	100%	62%	230	65%
5	Kiên Hải	100%	85%	70%	100%	380	80%	85%	100%	62%	30	65%
6	Phú Quốc	100%	85%	70%	100%	2,030	80%	85%	100%	62%	190	65%
7	Rạch Giá	100%	85%	70%	100%	2,890	80%	85%	100%	62%	520	65%
8	Tân Hiệp	100%	85%	70%	100%	2,400	80%	85%	100%	62%	250	65%
9	Châu Thành	100%	85%	70%	100%	1,780	80%	85%	100%	62%	125	65%
10	Giồng Riềng	100%	85%	70%	100%	2,790	80%	85%	100%	62%	400	65%
11	Gò Quao	100%	85%	70%	100%	2,030	80%	85%	100%	62%	125	65%
12	An Biên	100%	85%	70%	100%	2,030	80%	85%	100%	62%	200	65%
13	An Minh	100%	85%	70%	100%	2,030	80%	85%	100%	62%	170	65%
14	U Minh Thượng	100%	85%	70%	100%	780	80%	85%	100%	62%	100	65%
15	Vĩnh Thuận	100%	85%	70%	100%	1,350	80%	85%	100%	62%	250	65%

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
16	Khối Các Cơ quan - Doanh nghiệp	100%	85%	70%	100%	50% đối tượng	80%	85%	100%	95%	30	65%
17	Công an tỉnh	100%	85%	70%	100%	-	80%	85%	100%	100%	22	65%
18	Quân sự tỉnh	100%	85%	70%	100%	-	80%	85%	100%	100%	16	65%
19	Biên phòng tỉnh	100%	85%	70%	100%	-	80%	85%	100%	100%	12	65%
20	CĐ Sư phạm	100%	85%	70%	100%	80% đối tượng	80%	85%	100%	95%	15	65%
21	CĐ Kiên Giang	100%	85%	70%	100%	80% đối tượng	80%	85%	100%	95%	16	65%
22	CĐ Y tế	100%	85%	70%	100%	80% đối tượng	80%	85%	100%	95%	12	65%
23	CĐ Nghề	100%	85%	70%	100%	80% đối tượng	80%	85%	100%	95%	7	65%
24	ĐH Kiên Giang	100%	85%	70%	100%	80% đối tượng	80%	85%	100%	95%	15	65%
Tổng cộng/Trung bình		**100%**	**85%**	**70%**	**100%**	**25,000**	**80%**	**85%**	**100%**	**>67%**	**3,200**	**65%**

Phụ lục 2: Nhóm chỉ tiêu về các phong trào phát huy thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

STT	Đơn vị	Huyện, thành Đoàn hỗ trợ ít nhất 02 thanh thiếu niên yếu thế tại xã, phường, thị trấn	100% các CLB Thắp sáng niềm tin, Tuổi trẻ với pháp luật duy trì hoạt động	Hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình phát triển kinh tế, khởi nghiệp của thanh niên	Đoàn cấp huyện có ít nhất 01 công trình thanh niên	Cơ sở đoàn có ít nhất 01 công trình hoặc phần việc thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh	Tổ chức sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm	Phối hợp mở lớp dạy nghề cho thanh niên	Hỗ trợ triển khai thực hiện hóa ý tưởng, sáng kiến của đoàn viên, thanh niên	Phối hợp mở lớp chuyển giao KHKT	Xây dựng mới tổ hợp tác thanh niên	Tỷ lệ thanh niên sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Tỷ lệ thanh niên sử dụng tài khoản thanh toán điện tử	Tỷ lệ thanh thiếu nhi được tiếp cận các hoạt động nâng cao năng lực số	Tổ chức lớp dạy bơi miễn phí cho thiếu nhi	Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế cho thiếu nhi	Trồng mới và chăm sóc cây xanh
A	*B*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
1	Hà Tiên	2	100%	-	1	100%	1	2	6	5	1	20%	30%	20%	6	170	3200
2	Giang Thành	2	100%	-	1	100%	1	1	4	5	1	20%	30%	20%	4	110	3200
3	Kiên Lương	2	100%	1	1	100%	1	2	8	7	1	20%	30%	20%	9	270	3750
4	Hòn Đất	2	100%	1	1	100%	1	2	12	7	1	20%	30%	20%	20	610	3750
5	Kiên Hải	2	100%	-	1	100%	1	1	3	3	1	20%	30%	20%	4	50	1070
6	Phú Quốc	2	100%	1	1	100%	1	2	13	5	1	20%	30%	20%	16	480	3750
7	Rạch Giá	2	100%	1	1	100%	1	3	18	10	1	20%	30%	20%	26	740	3750
8	Tân Hiệp	2	100%	-	1	100%	1	3	9	7	1	20%	30%	20%	20	690	3750
9	Châu Thành	2	100%	-	1	100%	1	2	9	7	1	20%	30%	20%	15	470	3750
10	Giồng Riềng	2	100%	1	1	100%	1	3	28	8	1	20%	30%	20%	20	580	4300
11	Gò Quao	2	100%	-	1	100%	1	2	10	10	1	20%	30%	20%	14	420	3750
12	An Biên	2	100%	1	1	100%	1	2	12	7	1	20%	30%	20%	15	460	3750
13	An Minh	2	100%	-	1	100%	1	2	9	7	1	20%	30%	20%	13	380	3750
14	U Minh Thượng	2	100%	-	1	100%	1	1	7	6	1	20%	30%	20%	8	270	3200
15	Vĩnh Thuận	2	100%	-	1	100%	1	2	12	6	1	20%	30%	20%	10	300	3750

A	B	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
16	Khối Các Cơ quan - Doanh nghiệp	-	-	-	1	100%	-	-	7	-	-	20%	30%	-	-	-	1070
17	Công an tỉnh	-	-	-	1	100%	-	-	2	-	-	20%	30%	-	-	-	1070
18	Quân sự tỉnh	-	-	-	1	100%	-	-	2	-	-	20%	30%	-	-	-	1070
19	Biên phòng tỉnh	-	-	-	1	100%	-	-	2	-	-	20%	30%	-	-	-	1070
20	CĐ Sư phạm	-	-	-	1	100%	-	-	2	-	-	20%	30%	-	-	-	650
21	CĐ Kiên Giang	-	-	-	1	100%	-	-	5	-	-	20%	30%	-	-	-	650
22	CĐ Y tế	-	-	-	1	100%	-	-	3	-	-	20%	30%	-	-	-	650
23	CĐ Nghề	-	-	-	1	100%	-	-	3	-	-	20%	30%	-	-	-	650
24	Đại học Kiên Giang	-	-	-	1	100%	-	-	14	-	-	20%	30%	-	-	-	650
Tổng cộng/Trung bình		30	100%	6	24	100%	15	30	200	100	15	20%	30%	20%	200	6,000	60,000

* Ghi chú: các chỉ tiêu tại các cột 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 16, 22, 23, 24 khi thống kê phải báo cáo *"kết quả thực tế/chỉ tiêu thực tế"*, không báo tỷ lệ %.

Nơi nhận:
- Các huyện, thành đoàn và đoàn trực thuộc;
- Lưu VP; Ban TC-KT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN
BÍ THƯ

BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN TỈNH KIÊN GIANG

Phan Đình Nhân